

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
Tỉnh Lai Châu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/HS-PT
Ngày 30-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoà

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lụa

Bà Dương Thị Tuyết Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lực - Thư ký

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:

Ông Đào Ngọc Dũng - Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 08/2018/TLPT-HS ngày 28 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo Khoảng Văn T và Lò Văn Đ do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2018/HS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Lai Châu.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. KHOÀNG VĂN T, sinh năm 1994 tại huyện N, tỉnh Lai Châu.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: bản N, xã M, huyện N, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Khoảng Văn Th (đã chết) và bà: Mào Thị H, sinh năm 1968; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/9/2017 đến ngày 20/9/2017 bị cáo được thay thế biện pháp ngăn chặn là Bảo lãnh; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. LÒ VĂN Đ, sinh năm 1992 tại huyện N, tỉnh Lai Châu.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: bản M, xã M, huyện N, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn Ph, sinh năm 1966 và bà: Khoảng

Thị H, sinh năm 1966; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không có; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/9/2017 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Chảo A L, sinh năm 1989; Nơi cư trú: bản P, xã M, huyện N, tỉnh Lai Châu; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 02/9/2017, trong lúc ngồi uống rượu cùng nhau, Khoảng Văn T đã kể cho Lò Văn Đ nghe về việc Chảo A L đang nợ tiền của mình, đồng thời T rủ Đ cùng đến nhà L để đòi nợ, Đ đồng ý. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, T chở Đ đi từ nhà mình đến nhà anh L ở bản P, xã M, huyện N, tỉnh Lai Châu. Đến nơi T dùng chân đạp vào cửa nhà rồi cùng Đ vào đi thẳng vào trong nhà. Nghe tiếng động lớn nên anh L từ trong buồng ngủ đi ra thì bị T ôm ghì vào cổ. Trong lúc T và anh L đang giằng co nhau thì Đ nhặt một thanh kim loại hình chữ V, dài 60cm ở trước cửa nhà anh L rồi quay lại vụt mạnh vào chiếc ghế gỗ. Lo sợ bị đánh nên anh L lấy điện thoại OPPO NEO 7 ra gọi người giúp thì bị T giật điện thoại cho vào túi. Sau đó, T kéo anh L ra bàn uống nước, đồng thời lấy ống điều thuốc Lào định đánh anh L nhưng lúc này có anh Lò Thanh Th là hàng xóm anh L can ngăn nên anh L bỏ chạy khỏi nhà để trốn. T và Đ đuổi theo nhưng không tìm thấy, sau đó T và Đ quay lại nhà anh L lấy 02 lục bình bằng gỗ cao 1,39cm.

Tại kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 02/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của huyện N đã xác định: 01 (một) chiếc điện thoại OPPO NEO 7 trị giá 1.160.000 đồng; 02 (hai) lục bình gỗ muông trị giá 15.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 16.160.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2018/HS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Lai Châu, đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Khoảng Văn T và Lò Văn Đ phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20 và Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt: Khoảng Văn T 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành hình phạt tù, được khấu trừ đi 16 ngày bị tạm giữ, tạm giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 20 và Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt: Lò Văn Đ 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/9/2017.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Lần lượt các ngày 29 tháng 01 năm 2018 và ngày 09 tháng 02 năm 2018, Khoảng Văn T và Lò Văn Đ kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo là xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu trình bày quan điểm về giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo. Sau khi phạm tội, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả đã xảy ra; bị hại cũng xin cho các bị cáo được hưởng án treo và bị cáo Đ tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện, khám phá một số vụ án trên địa bàn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 355, 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa bản án hình sự sơ thẩm, giữ nguyên hình phạt và cho hưởng án treo đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Sau khi được Khoảng Văn T rủ đi đòi nợ hộ, Lò Văn Đ đồng ý và đến khoảng 15 giờ ngày 02/9/2017, T và Đ đến nhà anh Chảo A L ở bản P, xã M, huyện N, tỉnh Lai Châu để đòi nợ. Tại nhà anh L, T và Đ đã đe dọa dùng vũ lực và chiếm đoạt của anh L 01 chiếc điện thoại OPPO NEO 7 trị giá 1.160.000 đồng, 02 lục bình gỗ trị giá 15.000.000 đồng. Hành vi đe dọa dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 133 của Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo để đi đến quy kết tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ (tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả; thật thà khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng sâu vùng xa nhận thức pháp luật có phần hạn chế) để quyết định hình phạt đối với các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ. Tuy nhiên, trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, cơ quan điều tra công an huyện N đã cung cấp văn bản xác nhận việc Lò Văn Đ đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra trong việc khám phá, điều tra một số vụ án xảy ra trên địa bàn (Công văn số 07/CV-CQĐT, ngày 20/3/2018) và tại phiên tòa phúc thẩm bị hại Chảo A L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mới xuất hiện trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cần được xem xét và chấp nhận. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm cần áp dụng thêm điểm q khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Đ.

[2] Trên cơ sở tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần cho các bị cáo được tự cải

tạo mình dưới sự quản lý, giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương để bị cáo thấy được tính nhân đạo trong chính sách hình sự Nhà nước ta mà từ đó quyết tâm sửa chữa lỗi lầm, trở thành người có ích cho xã hội nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về việc xin được hưởng án treo.

[3] Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về phần quyết định hình phạt và sửa bản án sơ thẩm số 04/2018/HS-ST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Lai Châu, cụ thể như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 133, điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999; phạt bị cáo Khoảng Văn T 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 05 năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 30/3/2018). Giao bị cáo Khoảng Văn T cho nơi cư trú là Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Lai Châu giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Khoảng Văn T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 133, điểm b, p, q khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53, Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999; phạt bị cáo Lò Văn Đ 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 05 năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 30/3/2018). Giao bị cáo Lò Văn Đ cho nơi cư trú là Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Lai Châu giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Lò Văn Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lò Văn Đ, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Các bị cáo Khoảng Văn T, Lò Văn Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TA, VKS, CA, Chi Cục THADS H. N;
- UBND xã M, H. N (02 bản);
- Sở Tư pháp Lai Châu (P.Lý lịch tư pháp);
- Các bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hoà